

ĐẠI HỌC QUỐC GIA – TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT
CỰU SINH VIÊN NĂM 2021

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2021

I. TỔNG QUAN KHẢO SÁT

1. Mục đích khảo sát

- Tìm hiểu tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Trường ĐH CNTT.
- Tìm hiểu mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo, những kiến thức và kỹ năng sinh viên tốt nghiệp (SVTN) đã học tại Trường đối với công việc hiện tại.
- Là căn cứ để Nhà trường đổi mới chuẩn đầu ra, nội dung chương trình, phương pháp đào tạo và tăng cường các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ SVTN có việc làm.
- Cung cấp dữ liệu về tình hình việc làm của SVTN để báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, là cơ sở cho việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Tổ chức khảo sát

- Đối tượng: Là sinh viên các khoa đã tốt nghiệp hệ chính quy tại Trường trong vòng 5 năm tính đến đợt tốt nghiệp đợt 3/2021.
- Hình thức khảo sát: khảo sát trực tiếp hoặc online thông qua hệ thống khảo sát của Trường tại địa chỉ www.survey.uit.edu.vn, hoặc Google Form và thư điện tử (email).
- Thời gian thực hiện:
 - Khảo sát: 01/06/2021– 31/11/2021
 - Tổng hợp và xử lý số liệu: 1/12/2020 – 15/12/2021
 - Viết báo cáo: 20/12/2021 – 31/12/2021

3. Công cụ khảo sát

- Công cụ để lấy ý kiến SVTN là phiếu khảo sát do phòng TT-PC-ĐBCL cập nhật và hoàn thiện sau khi được sự thống nhất của Tổ công tác và BGH phê duyệt.
- Phiếu khảo sát lấy ý kiến SVTN gồm 11 câu hỏi, trong đó có 04 câu hỏi về thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, 05 câu hỏi đánh giá của SV về mức độ hài lòng của SV về chất lượng đào tạo, sự hỗ trợ của SVTN với Nhà trường và các ý kiến khác.

II. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Số lượng cựu SV tham gia khảo sát

Khảo sát năm 2021 đã thu được ý kiến phản hồi của 907/3272 SVTN từ năm 2015 đến nay, đạt tỉ lệ 27.72% (năm 2020 đạt tỷ lệ 31.7%; năm 2019: 26.1%; năm 2018 đạt tỉ lệ 25.3%). Số lượng này đảm bảo được tỷ lệ phản hồi tối thiểu theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 2919/BGDĐT-GDDH ngày 10/7/2017 (cơ sở giáo dục có số lượng SVTN trên 1000SV, phải đảm bảo thu được ý kiến của ít nhất 25% SVTN).

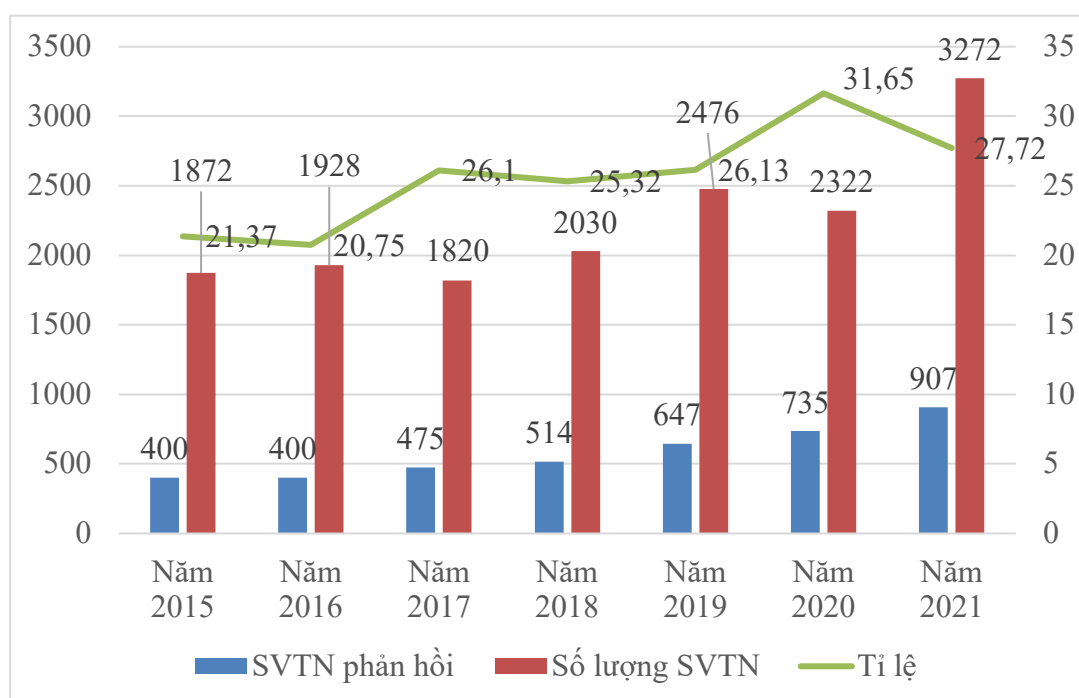
Dưới đây là bảng thống kê chi tiết số lượng SVTN tham gia khảo sát theo từng khoa của năm 2021:

Bảng 1. Số lượng SVTN tham gia khảo sát theo từng khoa (ĐVT: người)

Năm tốt nghiệp	Khoa						Tổng cộng
	CNPM	HTTT	KH&KTTT	KHMT	KTMT	MTT&TT	
2015	2	5	-	-	-	-	7
2016	-	4	-	4	3	1	12
2017	8	7	2	12	3	14	46
2018	31	5	4	7	3	11	61
2019	34	12	4	14	5	14	83
2020	104	105	41	83	47	103	483
2021	79	39	10	26	36	25	215
Tổng	258	177	61	146	97	168	907

Bảng 1 cho thấy số lượng SV tham gia phản hồi trong năm 2021 là cao nhất trong các năm. Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị các thành viên tổ công tác, các Khoa, đơn vị tiếp tục triển khai nhiều hoạt động tiếp cận với cựu SV trong các năm học tiếp theo nhằm ghi nhận được nhiều ý kiến của cựu sinh viên vì đây là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp Nhà trường đánh giá được chất lượng đào tạo.

Tương tự như các năm trước, số lượng phản hồi của SVTN trước năm 2017 là thấp và gần như không có SVTN tham gia. Đây là thực trạng chung ở các cơ sở giáo dục trong việc thu thập ý kiến của cựu SV.



Biểu đồ 1. Số lượng SVTN phản hồi qua các năm 2015 – 2021

2. Thông tin sau khi tốt nghiệp

2.1. Tình hình việc làm của SVTN

Tính đến thời điểm khảo sát, có 820/907 SVTN đã có việc làm (chiếm 90.4%); có 87 SVTN chưa có việc làm (chiếm 9.6%); trong đó, 20 SVTN đang tiếp tục học ở các bậc Sau đại học hoặc các

chuyên ngành khác, 56 SVTN chưa có việc làm vì chưa có ý định tìm việc và/hoặc tìm việc chưa thành công; 21 SVTN có lí do cá nhân. Hai nhóm đối tượng chưa có việc làm do chưa có ý định tìm việc hoặc/và không thành công trong tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp tập trung chủ yếu ở nhóm SV vừa tốt nghiệp năm 2020 và 2021. Trên thực tế, đối với nhóm SVTN đợt cuối năm 2020 và năm 2021, các bạn chịu ảnh hưởng rất lớn bởi tình hình dịch bệnh trong quá trình tìm kiếm việc làm; ngoài ra với nhóm SV này các bạn vừa mới tốt nghiệp do đó cần dành thời gian để bổ sung hoặc trang bị thêm các kinh nghiệm, kĩ năng cho công việc tương lai.

Đồng thời, các Khoa/Bộ môn, đặc biệt là cố vấn học tập cần tìm hiểu thêm về lí do các bạn SVTN chưa có ý định tìm việc ngay sau khi tốt nghiệp hoặc các yếu tố nào làm cho cựu SV tìm việc chưa thành công; qua đó để có các giải pháp thay đổi về phía chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy của giảng viên và bản thân sinh viên.

Dưới đây là bảng thống kê chi tiết tình hình việc làm hiện tại của SVTN Trường năm 2021 và các nguyên nhân khiến SVTN chưa có việc làm.

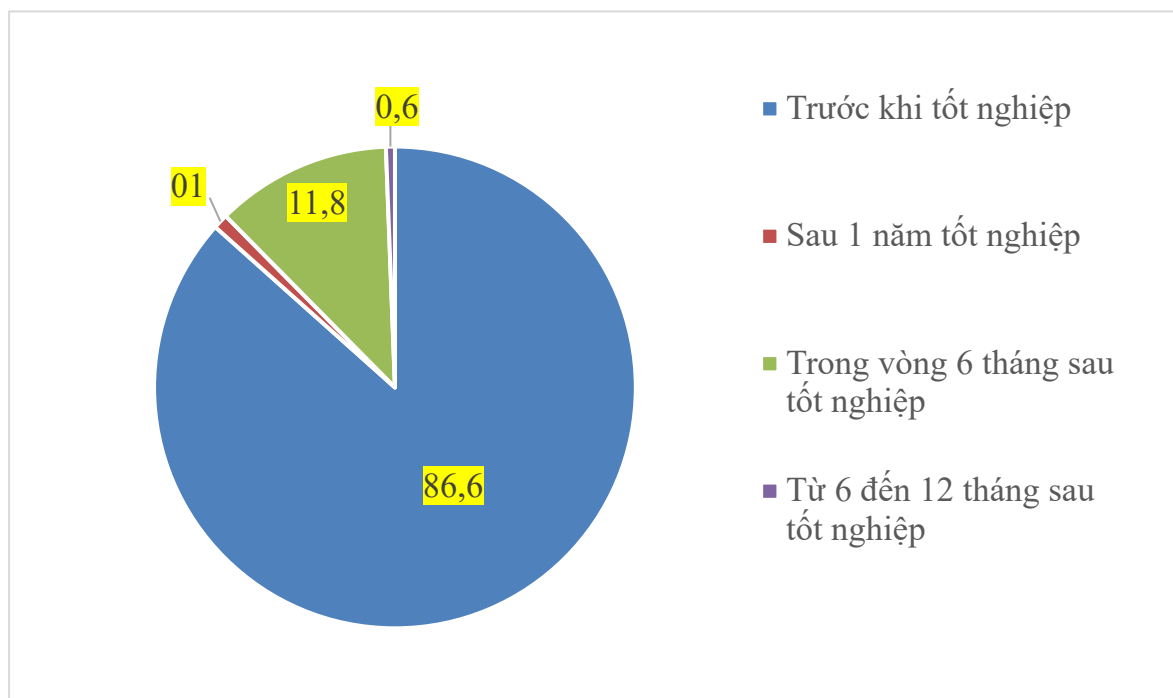
Bảng 2. Tình hình việc làm của SVTN theo ngành

TTVL \ Khoa		Khoa						Tổng	Tỉ lệ (%)
		KTPM	HTTT	KHMT	KH&KTTT	KTMT	MMT-TT		
Đang có việc làm	Tổng cộng:	242	166	129	48	85	150	820	
	- Được tuyển dụng	239	155	116	44	77	141	772	85,1
	- Tự tạo việc làm cho mình/người khác	3	11	13	4	8	9	48	5,3
Chưa có việc làm	Tổng cộng:	13	11	17	13	15	18	87	
	- Học tiếp	2	1	3		2	2	20	2,2
	- Chưa có ý định tìm việc	7	8	1	5	4	6	31	3,4
	- Tìm việc chưa thành công	2	2	11	8	3	10	25	2,7
	- Khác (sức khỏe, gđ, cá nhân,...)	2	-	2	-	6	-	21	2,3

Kết quả tại bảng 2 cho thấy số lượng SVTN tiếp tục học ở bậc học cao hơn sau khi ra trường đang có xu hướng tăng. Do vậy, nhà trường và các Khoa cần lưu ý xem xét phát triển các chương trình đào tạo đại học đáp ứng yêu cầu liên thông với bậc đào tạo SDH nhằm tạo cơ hội cho SV theo đuổi các chương trình bậc cao ngay sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, tỉ lệ SVTN tự tạo việc làm cũng có mức tăng tỉ lệ thuận qua hai năm trở lại đây.

2.2. Thời gian có việc làm của SVTN

Trong số 820 SVTN đang có việc làm, thời gian để SVTN tìm được công việc được thể hiện bằng bảng sau:



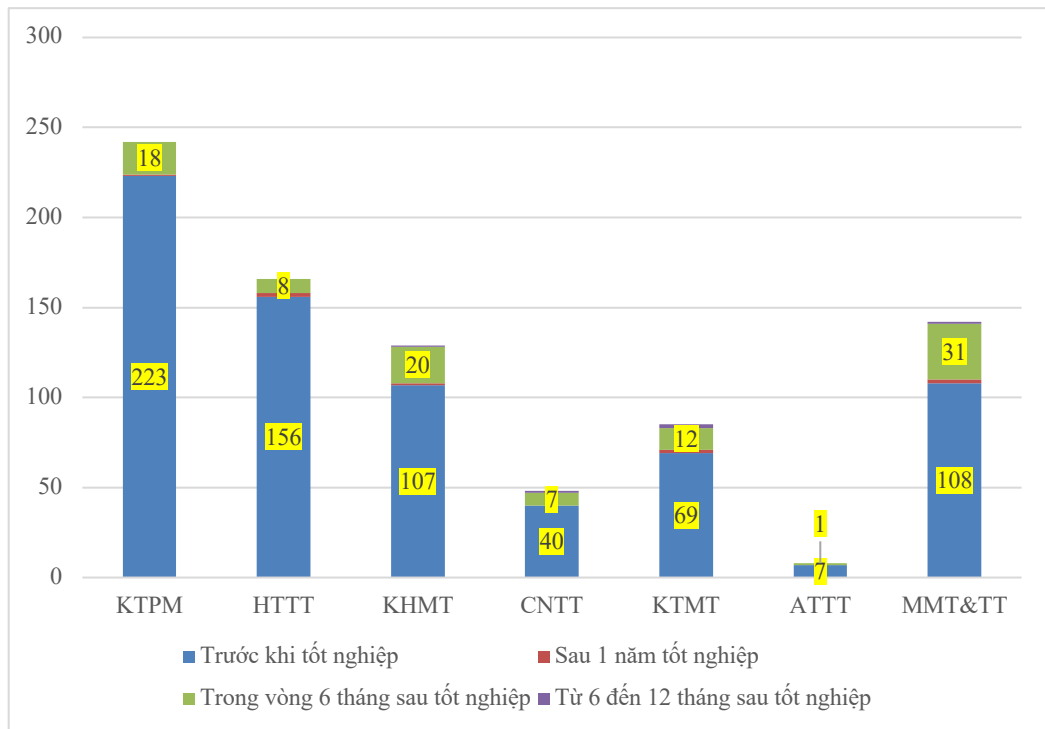
Hình 1. Thời gian SVTN có việc làm

Tại hình 2 cho thấy, có:

- 710 SVTN (86.6%) đã có việc làm *trước khi tốt nghiệp*;
- 97 SVTN (11.8%) tìm được việc làm *trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp*;
- 5 SVTN (0.6%) có việc làm *sau 6 - 12 tháng tốt nghiệp*;
- 8 SVTN (1%) có việc làm *sau 1 năm tốt nghiệp*.

Như vậy, tỷ lệ SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp năm 2021 cũng khá cao (năm 2020 đạt 90.1%, năm 2019 đạt tỉ lệ 84.2%, năm 2018 chiếm tỉ lệ 79.1%). Kết quả trên cho thấy chất lượng đào tạo của Trường đã đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động, phần lớn SVTN đều có khả năng tìm được việc làm rất sớm, đặc biệt trước khi tốt nghiệp. Kết quả này luôn được duy trì qua nhiều năm. Với tỉ lệ người học có việc làm sớm ngay khi chưa tốt nghiệp là một cơ sở để các Khoa và Nhà trường xem xét trong việc thay đổi chương trình đào tạo cho phù hợp hơn.

Biểu đồ 2 dưới đây là tỷ lệ thời gian có việc làm của SVTN phân hồi theo từng ngành:



Biểu đồ 2. Thời gian có việc làm của SVTN theo từng ngành

Với 2 mốc thời gian: Trước khi tốt nghiệp và Trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp, có thể thấy từ năm 2015 đến 2021, hầu hết SVTN của Trường tìm được việc làm khá sớm, dao động từ 80% lên 99%.

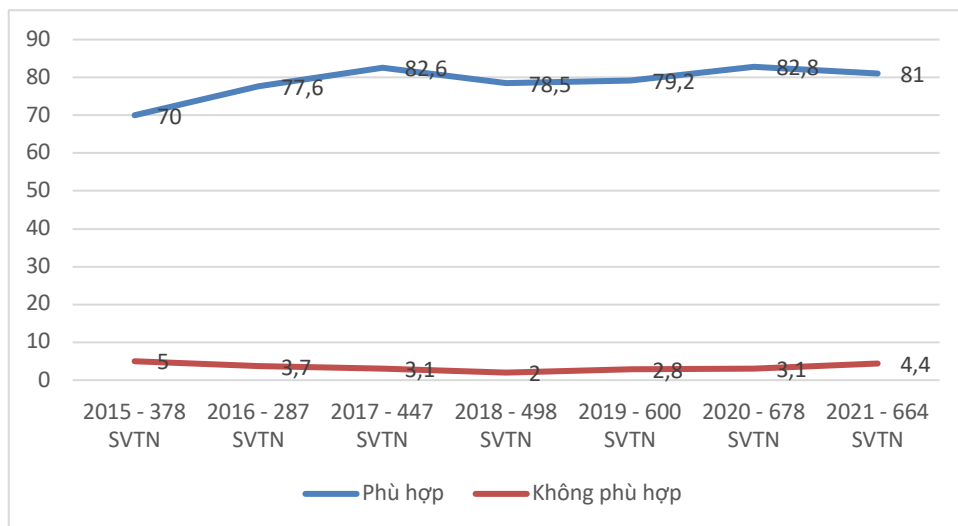
Thời gian có việc làm	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Trước khi tốt nghiệp	Không khảo sát	71.50%	80.10%	79.10%	84.20%	90.10%	86.6%
Trong vòng 6 tháng sau tốt nghiệp	83.30%	21.30%	17.20%	18.50%	14.20%	9.50%	11.8%
Tổng	83.30%	92.80%	97.30%	97.60%	98.30%	99.60%	98.4%

Bảng 3. Tỷ lệ SVTN có việc làm trước và trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp

2.3. Mức độ phù hợp của công việc với ngành đào tạo

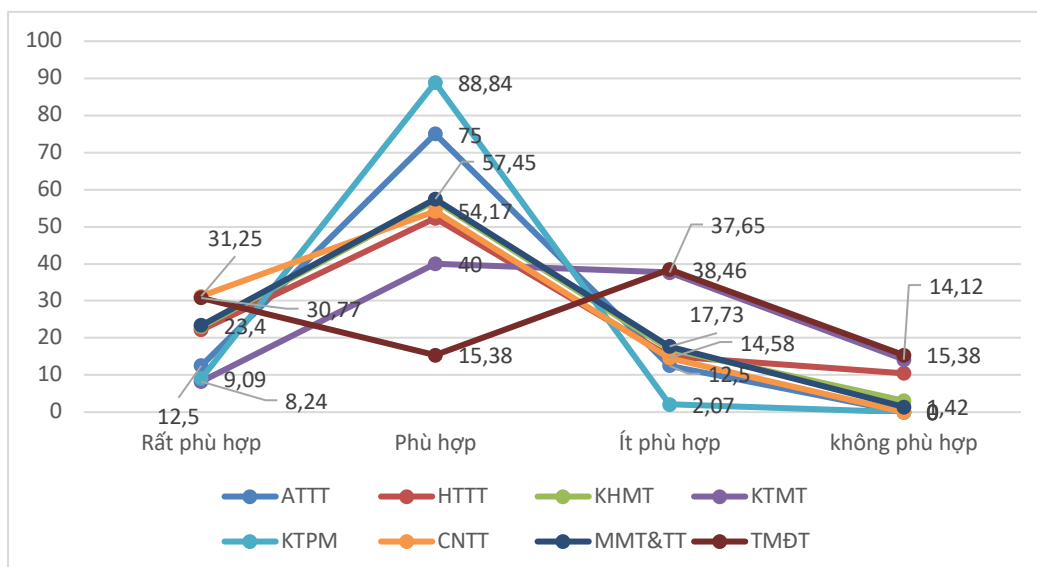
Căn cứ vào chuẩn đầu ra cũng như triển vọng nghề nghiệp của chuyên ngành đào tạo, đa số SVTN cho biết công việc hiện tại *rất phù hợp* và *phù hợp* với chuyên môn đã được học tại Trường chiếm tỉ lệ 81% (năm 2020 tỉ lệ là 82.8%, năm 2019 là 79.2%); 14.6% cho rằng công việc *tương đối phù hợp* với chuyên ngành (năm 2020 là 14.1%, năm 2019 tỉ lệ đạt 18%); và có 4.4% SVTN cho biết đang làm việc *không phù hợp* với chuyên môn đã được học (tương đương 36 SVTN). Với thông tin trên, Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị các Khoa rà soát lại nội dung CTĐT, đặc biệt là các môn học chuyên ngành để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Nhìn chung, tỷ lệ SVTN của Trường làm việc đúng ngành đào tạo qua các năm có sự dao động liên tục, cụ thể tăng từ 70% (năm 2015) đến 82.6% (năm 2017) sau đó giảm nhẹ ở năm 2018 (78.5%), sau đó tăng lên 79.2% năm 2019 và tăng mạnh lên 82.8% năm 2020, giảm nhẹ năm 2021. Đồng thời, tỷ lệ làm việc không phù hợp với chuyên ngành đào tạo cũng dao động khá mạnh từ 2.0% lên 4.4%.



Biểu đồ 3. Tỷ lệ SVTN làm việc đúng ngành đào tạo qua các năm (%)

Dưới đây là tỷ lệ SVTN làm việc đúng với chuyên ngành đào tạo



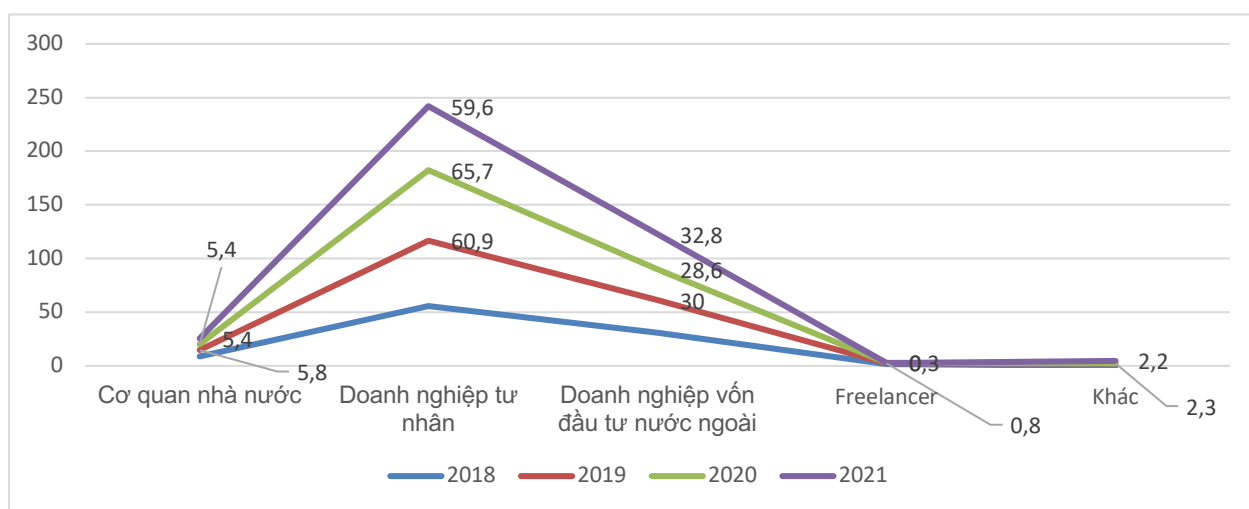
Biểu đồ 4. Số lượng SVTN làm việc đúng chuyên môn đào tạo theo từng ngành (%)

2.4. Loại hình tổ chức và vị trí làm việc của SVTN

Có 820 SVTN cung cấp thông tin về loại hình doanh nghiệp/tổ chức mà SV đang làm việc. Kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy, các SVTN của Nhà trường hiện đang làm việc ở nhiều tổ chức, ngành nghề đa dạng; trong đó, phần lớn SVTN của Trường hiện làm việc cho các *doanh nghiệp tư nhân* chiếm tỉ lệ 59.6% (năm 2020 là 65.7%, năm 2019 có tỉ lệ 60.9%, năm 2018 với tỉ lệ 55.7%) và *doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/phi chính phủ* với tỉ lệ là 32.8% (năm 2021 tỉ lệ là 28.6%, năm 2019 tỉ lệ đạt 30%); tỉ lệ SVTN làm việc tại các đơn vị thuộc khối *cơ quan nhà nước* năm 2020

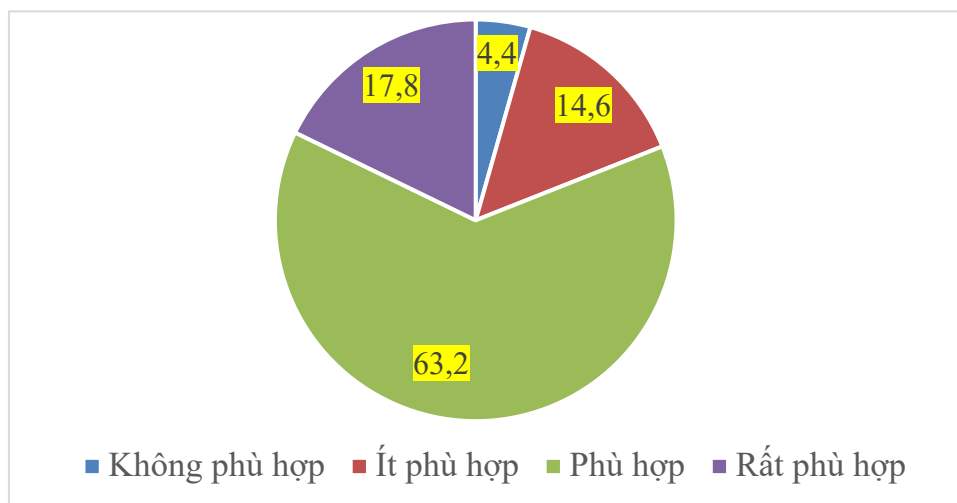
và 2021 không có thay đổi, đạt tỉ lệ 5.4% (năm 2019 đạt tỉ lệ 5.8%) và các loại hình khác chiếm tỉ lệ 2.2% (năm 2019 tỉ lệ là 0.8%; năm 2020 là 0.3%).

Tương tự như các năm trước, kết quả khảo sát năm 2021 không có nhiều khác biệt về tỷ lệ các loại hình tổ chức mà SVTN đang làm việc, chủ yếu vẫn tập trung ở 2 loại hình: *doanh nghiệp tư nhân* và *doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*. Ngoài ra, từ năm 2019 đến năm 2021 xuất hiện nhiều ngành nghề mới phù hợp với SVTN nhóm ngành CNTT, vì vậy các Khoa cần tham khảo và nghiên cứu để kịp thời để bổ sung các kiến thức nghề nghiệp mới cho SV. Đây cũng là một trong những nội dung mà các nhà tuyển dụng đã đề cập đến (đa dạng hóa nghề nghiệp; đưa các kiến thức mới về các ngành nghề vào trong CTĐT,...).



Biểu đồ 5. Loại hình tổ chức SVTN đang làm việc (%)

Khảo sát cũng tiến hành thu thập ý kiến của SVTN về mức độ phù hợp của công việc mà các SVTN đang đảm nhận với trình độ chuyên môn được đào tạo tại trường, kết quả cho thấy như sau:



Biểu đồ 6. SVTN đánh giá mức độ tương thích giữa chuyên môn và công việc (%)

Biểu đồ 6 cho thấy hầu hết SVTN của trường đánh giá công việc đang làm tại tổ chức là phù hợp (rất phù hợp và phù hợp) với chuyên môn được đào tạo với tỉ lệ 81%. Tuy nhiên cũng còn 19% SVTN đánh giá công việc hiện đang làm là ít phù hợp và không phù hợp với chuyên môn, cần được các Khoa lưu ý để tìm kiếm các nguyên nhân.

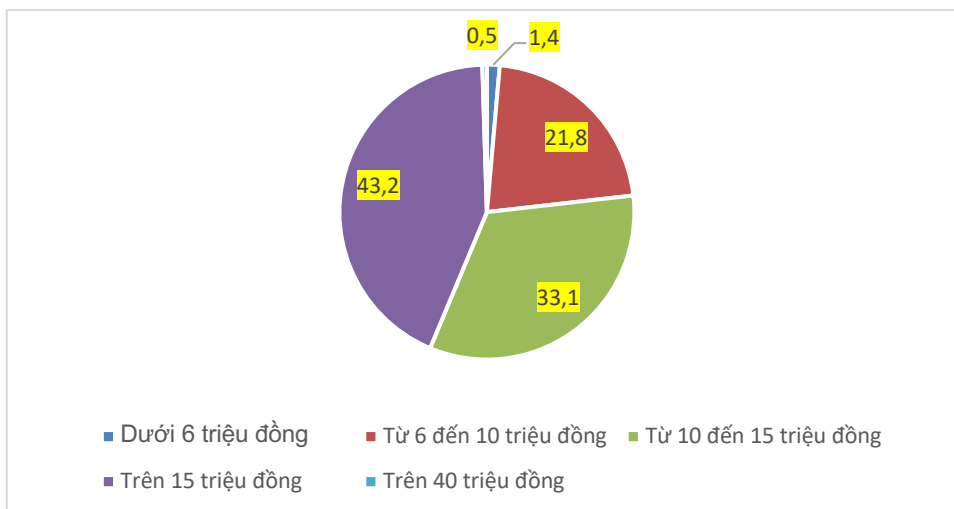
Ngoài ra, với 81% SVTN làm việc đúng với chuyên ngành được đào tạo, Phòng TT-PC-ĐBCL đã thống kê các ngành nghề phổ biến mà SVTN đang đảm nhận tại các tổ chức, cụ thể:

- Developer (.NET, AI, Android, Front-End, Game, Android, Full stack, Software, iOS, Java,...)
- Engineer (System, Embebed, Software, Data, Physical Design, Network, QC, Embedded Software, Hardware Engineer)
- Chuyên viên/nhân viên/ Senior Cybersecurity Consultant
- Nghiên cứu viên/Trợ giảng
- Leader/Manager/Executive/CEO/ Pentester/ Technical Manager
- QA/QC/ System Administrator/
- Tester/Coder
-

Ngoài ra còn các vị trí công việc khác như sản xuất chương trình, tiếp viên hàng không, marketing,...(được thể hiện trong Phụ lục 2 của báo cáo).

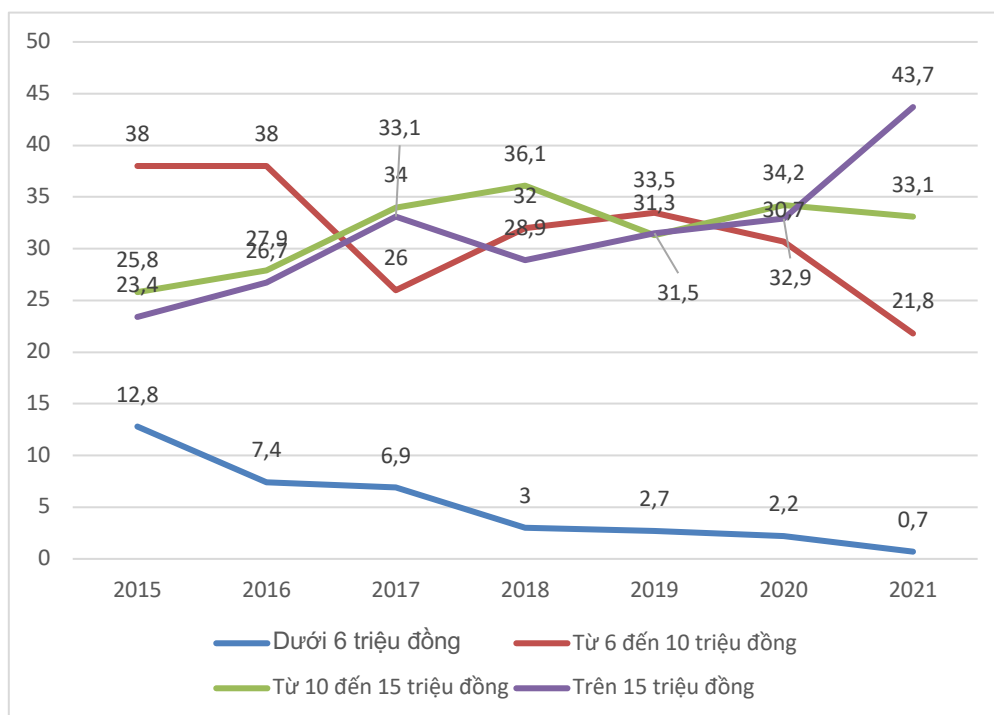
2.5. Thu nhập của SVTN từ công việc

Có gần 98% SVTN của Trường có mức thu thập/tháng từ 6 triệu đồng trở lên, trong đó mức thu nhập *trên 15 triệu đồng* đạt 43.7% (năm 2020: 32.9%; năm 2019: 31.5%, năm 2018: 28.9%), từ *10 - 15 triệu đồng* chiếm 33.1% (năm 2020: 34.2%; năm 2019: 31.3%) và từ *6 - 10 triệu đồng* là 21.8%.



Biểu đồ 7. Mức thu nhập của SVTN (%)

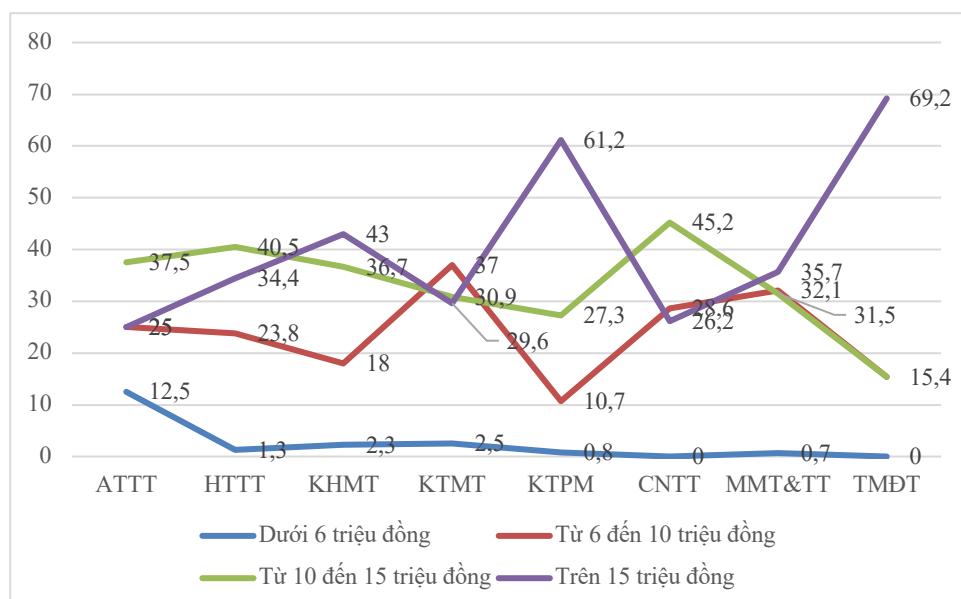
Chỉ có khoảng 1.4% thu nhập *dưới 6 triệu đồng/tháng*; đây là các bạn làm việc tại các cơ quan nhà nước với vị trí việc làm như trợ giảng, hoặc các bạn SV mới tốt nghiệp chưa có nhiều kinh nghiệm, thâm niên.



Biểu đồ 8. Mức thu nhập của SVTN qua các năm (%)

So sánh mức thu nhập của SVTN qua các năm (biểu đồ 8), có thể thấy, tỷ lệ SVTN có mức thu nhập *dưới 6 triệu đồng liên tục giảm* qua các năm xuống còn 1.4%; trong khi đó, tỷ lệ SVTN có mức thu nhập *trên 10 triệu đến 15 triệu đồng tăng rõ rệt*; ngoài ra tỷ lệ SVTN có mức thu nhập *trên 15 triệu đồng cũng tăng mạnh*.

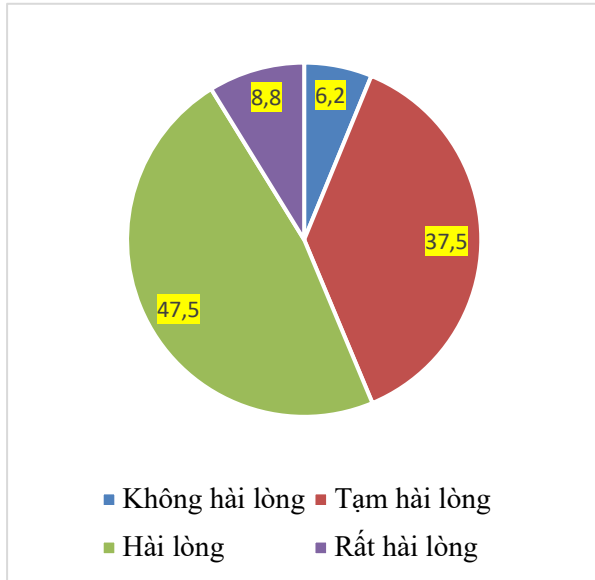
Dưới đây là tỷ lệ mức thu nhập của SVTN theo từng ngành:



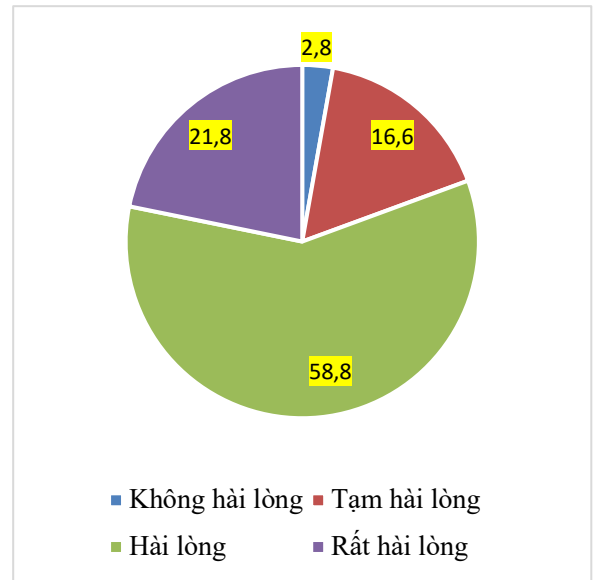
Biểu đồ 9. Mức thu nhập của SVTN theo ngành (%)

2.6. Mức độ hài lòng của SVTN

- Về mức thu nhập:



- Về công việc hiện tại

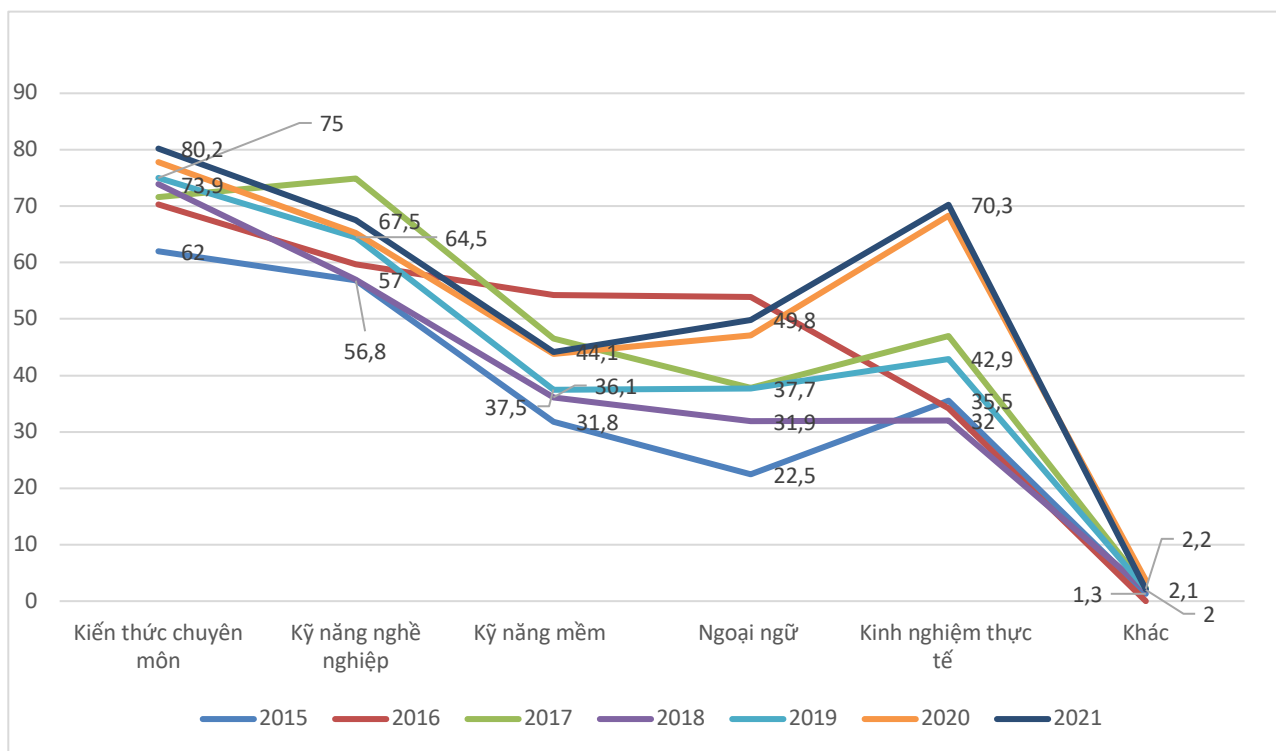


Biểu đồ 10. Mức độ hài lòng với công việc hiện tại (%) Biểu đồ 11. Mức độ hài lòng với thu nhập/tháng (%)

Về cơ bản, SVTN của Nhà trường hài lòng với công việc và thu nhập hiện tại ở mức trung bình. Kết quả này có sự thống nhất với mức độ gắn bó của SVTN với tổ chức, có 67.6% SVTN cho rằng sẽ tiếp tục công tác tại đơn vị, 18.1% chưa xác định cụ thể và 14.3% cho biết sẽ thay đổi công việc.

2.7. Những yếu tố của SVTN được nhà tuyển dụng đánh giá cao

Các yếu tố của SVTN được nhà tuyển dụng đánh giá tốt bao gồm: *kiến thức chuyên môn* chiếm tỉ lệ 80.2% (năm 2020 là 77.8%; năm 2019 đạt 75%, năm 2018 đạt 57.0%), *kỹ năng nghề nghiệp* đạt 67.5% (năm 2020 là 65.4%; năm 2019 chiếm tỉ lệ 64.5%, năm 2018 là 73.9%), *kinh nghiệm thực tế* có tỉ lệ 70.3% (năm 2020 là 68.3%; năm 2019 là 42.9%, năm 2018 có tỉ lệ 32.1%), *kỹ năng mềm* đạt 44.1% (năm 2020 là 43.8%; năm 2019 có tỉ lệ 37.5%, năm 2018 đạt tỉ lệ 36.1%), *ngoại ngữ* đạt 49.8% (năm 2020 là 47.1%; năm 2019 là 37.7%, năm 2018 là 31.9%), *Các yếu tố cá nhân khác* (linh hoạt, chịu khó),...chiếm tỉ lệ không đáng kể 2.1%. Nhìn chung tất cả các yếu tố sự gia tăng so với các năm trước. Trong đó, yếu tố thuộc về kiến thức, kỹ năng của SVTN đều được doanh nghiệp/tổ chức đánh giá cao, đặc biệt yếu tố *kiến thức chuyên môn*, *kỹ năng nghề nghiệp*,... đạt tỉ lệ khá cao. Đồng thời, với việc sớm tham gia thị trường lao động, SV UIT đã tự tạo nên một lợi thế lớn trong “cuộc chiến” nghề nghiệp giữa các SV ngoài trường và trong cùng nhóm ngành. Các kết quả này một lần nữa khẳng định Nhà trường, các Khoa và giảng viên có rất nhiều nỗ lực trong việc cải tiến các hoạt động liên quan đến đào tạo. Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị các đơn vị tiếp nhận duy trì và phát huy kết quả này trong các năm tiếp theo.



Biểu đồ 12. Những yếu tố được nhà tuyển dụng đánh giá cao qua các năm (%/lượt)

2.8. Tham gia các khóa học hoặc đào tạo thêm sau tốt nghiệp

Theo khảo sát, có 395/907 SVTN phản hồi cho biết đã tham gia các khóa học và đào tạo thêm sau khi tốt nghiệp, chiếm tỉ lệ 43.6%. So sánh với tỷ lệ này với đợt khảo sát trước: năm 2015 (49%), 2016 (47.8%), năm 2018 (45.5%) và năm 2019 (44.7%), tỉ lệ năm 2021 là có giảm. Tuy nhiên, so sánh với năm 2020 (22.4%), năm 2021 có sự biến động. Việc SVTN tham gia các khóa học, đào tạo sau khi tốt nghiệp là hoàn toàn cần thiết nhằm trang bị và hoàn thiện bản thân là rất đáng khích lệ. Cần xem xét các nội dung về các khóa học và đào tạo mà SVTN của Trường tham gia để phân tích và đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường. Kết quả ghi nhận từ khảo sát được thể hiện chi tiết như sau:

- Học thêm về *ngoại ngữ* (191 SVTN, 50%).
- Các khóa học *cùng chuyên ngành* (85 SVTN, 21.9%) như: giải thuật, system design, database, devops trên 1 số nền tảng như coursera, leetcode, sách interview
- Các khóa học *khác chuyên ngành* (54 SVTN, 13.9%) như: Game Design, Database Engineering,...
- *Sau đại học* (47 SVTN, 12.1%).
- Khác: agile scrum, Tester, coursera, udemy (11 SVTN, 2.8%)

3. Đánh giá về chất lượng đào tạo của Nhà trường

3.1. Mức độ hữu ích của kiến thức, kỹ năng và các đồ án môn học

- Về kiến thức: Kết quả từ năm 2015-2018 cho thấy trên 70% SVTN đánh giá những kiến

thức được học tại Trường là hữu ích (gồm 2 mức rất hữu ích và hữu ích); trong năm 2019 và 2020 tỉ lệ này tăng cao, lần lượt là 80.7 và 81.5%. Tuy nhiên tỉ lệ này giảm xuống ở mức 74.2% trong năm 2021. Mặc dù vẫn đạt ở mức khá nhưng các Khoa cần phối hợp với các đơn vị phụ trách để tìm hiểu các lí do SVTN đánh giá chưa cao các kiến thức thu nhận được tại Trường.

Năm	không hữu ích	Ít hữu ích	Hữu ích	Rất hữu ích
Năm 2015	1,2	25,3	67	6,5
Năm 2016	2,2	23	62,8	12
Năm 2017	2,6	23,6	67,3	6,5
Năm 2018	1,1	19,2	68,3	11,4
Năm 2019	1,5	17,8	67,9	12,8
Năm 2020	0,1	17,7	48,2	34
Năm 2021	17,3	8,5	61,9	12,3

Bảng 4. Mức độ hữu ích của kiến thức đã học (%)

- *Về kỹ năng:* Tỷ lệ hữu ích (bao gồm hữu ích và rất hữu ích) của các kỹ năng đã học đạt tỷ lệ 68.4%, tỉ lệ này thấp so với năm 2020 (85.7%), cao hơn so với năm 2015-2019 (tỉ lệ đạt 61.3% - 75.8%). Trên thực tế, Nhà trường, các Khoa đã kết hợp với phòng CTSV, VPĐB mở nhiều khóa học, tổ chức nhiều buổi chuyên đề nhằm cải thiện và nâng cao kỹ năng cho SV.

- *Về các đồ án môn học:* Một trong những hình thức đặc trưng giúp SV có kinh nghiệm và kỹ năng để làm việc với các dự án thực tế ở lĩnh vực CNTT, đó là các đồ án môn học. Nhìn chung, khoảng 71.3% (năm 2020: 89.9%; năm 2019:76.3%) SVTN đánh giá các đồ án được thực hành tại Trường là hữu ích (bao gồm hữu ích và rất hữu ích) cho công việc sau khi tốt nghiệp, khoảng 17.1% SVTN đánh giá chỉ là không hữu ích và 11.6% cho rằng ít hữu ích.

Năm	Không hữu ích	Ít hữu ích	Hữu ích	Rất hữu ích
Năm 2016	4,2	34,5	7,8	53,5
Năm 2017	5	32,6	5,3	57,1
Năm 2018	14,8	23,5	8,2	53,5
Năm 2019	4,9	18,8	9,1	67,2
Năm 2020	3,7	6,4	17,8	72,1
Năm 2021	17,1	11,6	54,7	16,6

Bảng 5. Mức độ hữu ích của các đồ án môn học (%)

Dưới đây là tỷ lệ đánh giá của SVTN phản hồi đối với các kiến thức, kỹ năng và đồ án môn học theo khảo sát năm 2020 ở từng ngành:

TT	Ngành	Nội dung	Không hữu ích	Ít hữu ích	Hữu ích	Rất hữu ích
1	KTPM – 258 SVTN	Kiến thức	8,14	6,59	70,54	14,73
		Kỹ năng	8,91	9,3	66,67	15,12
		Đồ án môn học	10,08	10,85	57,36	21,71
2	HTTT - 164 SVTN	Kiến thức	26,22	12,2	50,61	10,97
		Kỹ năng	21,95	17,68	50,61	9,76
		Đồ án môn học	25	9,76	51,22	14,02
3	CNTT - 61SVTN	Kiến thức	29,51	1,64	63,93	4,92
		Kỹ năng	37,7	9,84	49,18	3,28
		Đồ án môn học	26,23	11,48	45,9	16,39
4	KHMT – 145 SVTN	Kiến thức	21,38	10,34	62,07	6,21
		Kỹ năng	21,38	13,1	53,1	12,42
		Đồ án môn học	20	15,86	52,41	11,73
5	KTMT - 97 SVTN	Kiến thức	13,4	8,25	49,48	28,87
		Kỹ năng	13,4	17,53	44,33	24,74
		Đồ án môn học	15,46	8,25	50,52	25,77
6	MMT & TT – 158 SVTN	Kiến thức	15,19	6,33	71,52	6,96
		Kỹ năng	24,68	10,76	57,59	6,97

		Đề án môn học	15,19	12,66	61,39	10,76
7	ATTT-10 SVTN	Kiến thức	20	-	70	10
		Kỹ năng	20	20	60	-
		Đề án môn học	30	-	70	-
8	TMDT-13 SVTN	Kiến thức	7,69	46,15	23,08	23,08
		Kỹ năng	15,38	23,08	30,77	30,77
		Đề án môn học	7,69	23,08	53,85	15,38

Bảng 6. Mức độ hữu ích của kiến thức, kỹ năng, đề án đã học theo ngành (%)

3.2. Đánh giá trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc

Có 820/907 SVTN có việc làm cho ý kiến phản hồi về trình độ ngoại ngữ sau khi ra trường có đáp ứng được yêu cầu của công việc, kết quả cho thấy chỉ có 69.4% SVTN cho rằng trình độ tiếng Anh của mình đã đáp ứng yêu cầu công việc (năm 2020 là 98.2%; năm 2019 đạt tỉ lệ 93%; năm 2018 là 83.1% SVTN). Tuy nhiên trong 69.2% này có 24.8% SVTN cho rằng trình độ ngoại ngữ chỉ đáp ứng một phần, yêu cầu công việc. Trong KHCL giai đoạn 2021-2025 của Nhà trường đã xác định cải thiện ngoại ngữ cho SV là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

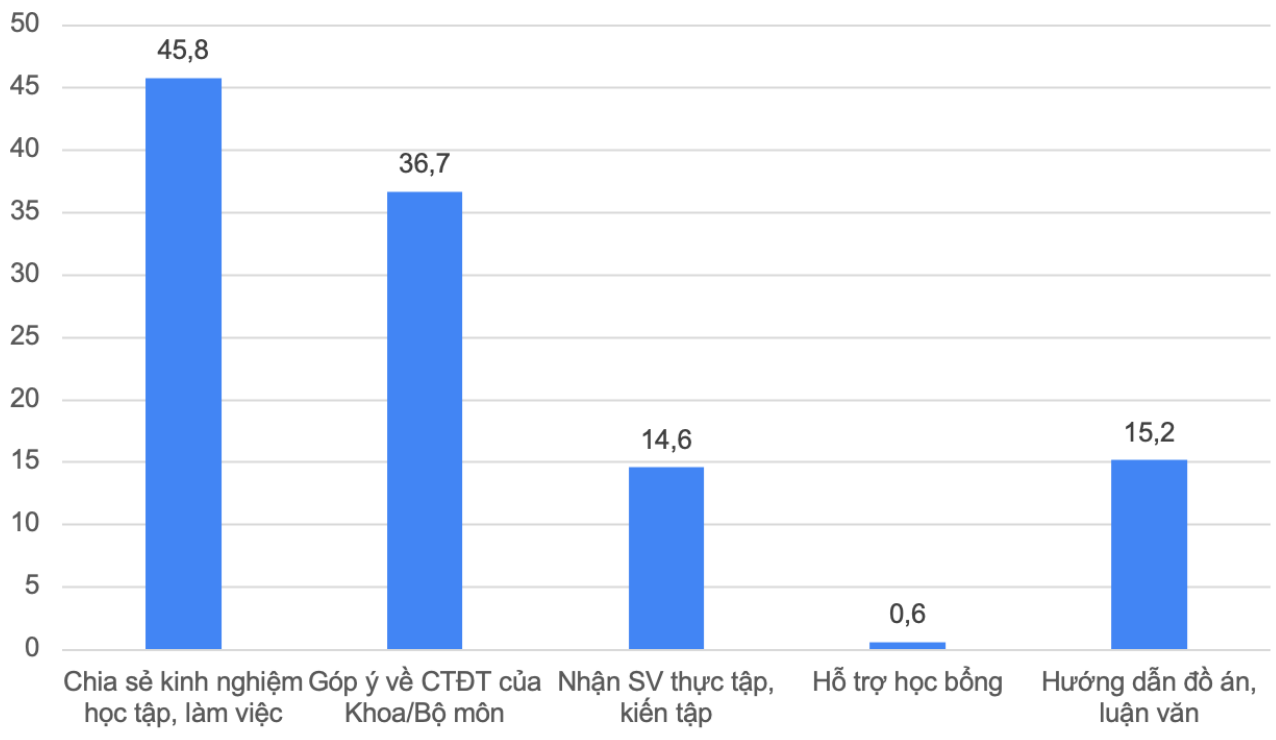
Thang đo	Số lượng	Tỉ lệ
Không đáp ứng	242	29,5
Đáp ứng một phần	203	24,8
Đáp ứng	366	44,6
Công việc không đòi hỏi sử dụng tiếng Anh	9	1,1
Tổng	820	100

Bảng 7. Trình độ ngoại ngữ của SVTN so với yêu cầu công việc

3.3. Các hỗ trợ của SVTN đối với Trường

Dưới đây là tỷ lệ một số hoạt động SVTN có thể hỗ trợ trong công tác đào tạo tại Trường. Trong đó, 2 nội dung luôn được SVTN đánh giá là sẵn sàng hỗ trợ nhiều nhất là: *Chia sẻ kinh nghiệm học tập, làm việc* (45.8%) và *Góp ý CTĐT của khoa/bộ môn* (36.7%). Kết quả này không có sự khác biệt so với các đợt khảo sát trước đó. Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị các khoa/bộ môn cần tận dụng ý kiến của SVTN trong việc xây dựng CTĐT cũng như chủ động thiết kế các

hoạt động để kết nối với SVTN.



Biểu đồ 13. Hoạt động hỗ trợ của SVTN đối với Trường (%)

4. Ý kiến khác

SVTN đã chia sẻ **những điều Nhà trường và Khoa cần cải thiện** (342 ý kiến), cũng như **những xu hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT** (291 ý kiến). Hầu hết các ý kiến được cựu SV đề cập liên quan đến:

❖ Những điều Trường/Khoa nên cải thiện:

- Cải thiện về chương trình đào tạo: cải thiện các môn chuyên ngành, tăng cường thực hành, xem xét nội dung các môn đồ án, rà soát nội dung các môn học và bỏ/lược bớt các môn không liên quan,...

- Tăng cường liên kết, tương tác doanh nghiệp, cho sinh viên tham gia thực tập/kiến tập sớm để làm quen với môi trường làm việc

- Cải thiện chất lượng ngoại ngữ cho SV

- Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm cho SV.

- Nên có nhiều hoạt động tư vấn hướng nghiệp, định hướng chọn nghề/chuyên ngành cho SV

- Xây dựng các CLB, đội nhóm và khuyến khích SV tham gia.

- Cải thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, thư viện, phòng học

❖ Xu hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT hiện nay: Machine learning, Payment, ML, Big Data, Cloud, Distributed System, Mã độc trong thiết bị IoT, DevOps, AI, micro service hoá các hệ thống lớn, eCommerce,... Các ý kiến cụ thể của từng khoa được thể hiện ở Phụ lục

1 của báo cáo.

III. TỔNG KẾT

1. Kết luận

Năm 2021, Trường ĐHCNTT đã thu được ý kiến của 907/3272 SVTN (chiếm 27.72% tổng SVTN) trong 5 năm học vừa qua. Mặc dù còn nhiều hạn chế trong việc liên lạc để lấy ý kiến cựu SV, nhưng đợt khảo sát đã thu được những thông tin cụ thể và đáng tin cậy về tình hình việc làm của SVTN qua các năm.

Những thông tin phản hồi của cựu SV là cơ sở giúp Nhà trường đánh giá lại chất lượng đào tạo tại Trường, qua đó có các giải pháp, điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động tại đơn vị trong các năm học mới.

Đồng thời, những ý kiến đóng góp của SVTN sẽ là kênh thông tin giúp Nhà trường có cơ sở trong việc cập nhật CTĐT, tổ chức các hoạt động dạy học hiệu quả hơn.

2. Khuyến nghị

Phòng TT-PC-ĐBCL Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị để thu thập ý kiến SVTN hiệu quả hơn;

Các Khoa nên đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến: khảo sát, tổ chức các buổi gặp mặt giữa SVTN với Nhà trường, các buổi chia sẻ kinh nghiệm giữa SVTN và sinh viên,...

Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện dạy học đặc biệt là tăng cường thêm không gian học tập cho SV;

Các Khoa đẩy mạnh hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp để tạo cơ hội cho SV tham gia thực tập, học hỏi kinh nghiệm nghề nghiệp.

Các Khoa đào tạo cần xem xét kết quả khảo sát, đặc biệt các ý kiến đóng góp thêm của SVTN để có cơ sở cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo, đổi mới hoạt động giảng dạy, cũng như cải tiến các hoạt động hỗ trợ, phục vụ nhằm giúp SV tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo khi tốt nghiệp.

Khoa, GV tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong đào tạo và giảng dạy.

**PHÒNG TT-PC-ĐBCL
TRƯỞNG PHÒNG**

(Đã ký)

Trịnh Thị Mỹ Hiền